BỘ TÀI CHÍNH

BỘ TÀI CHÍNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 178/2012/TT-BTC	*Hà Nội, ngày 23 tháng 10 năm 2012*

THÔNG TƯ
Hướng dẫn kế toán áp dụng cho Bảo hiểm xã hội Việt Nam

Căn cứ Luật Kế toán ngày 17 tháng 6 năm 2003;

Căn cứ Luật Bảo hiểm xã hội ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Luật Bảo hiểm y tế ngày 14 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 118/2008/NĐ-CP ngày 27/11/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định 128/2004/NĐ-CP ngày 31/5/2004 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Kế toán trong lĩnh vực kế toán Nhà nước;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Chế độ kế toán và kiểm toán,

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn kế toán áp dụng cho Bảo hiểm xã hội Việt Nam.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Thông tư này quy định một số chứng từ kế toán, một số sổ kế toán và hệ thống tài khoản kế toán, hệ thống báo cáo tài chính áp dụng cho cơ quan Bảo hiểm xã hội quận, huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh (sau đây gọi tắt là BHXH huyện); cơ quan Bảo hiểm xã hội tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi tắt là BHXH tỉnh); Bảo hiểm xã hội Việt Nam.

2. Những nội dung không hướng dẫn trong Thông tư này, các cơ quan BHXH thực hiện theo Chế độ kế toán Hành chính sự nghiệp ban hành kèm theo Quyết định số 19/2006/QĐ-BTC ngày 30/3/2006; Thông tư số 185/2010/TT-BTC ngày 15/11/2010 hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán Hành chính sự nghiệp ban hành kèm theo Quyết định số 19/2006/QĐ-BTC ngày 30/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các Thông tư sửa đổi, bổ sung, thay thế các văn bản trên (sau đây gọi chung là Quyết định 19).

Điều 2. Quy định về hệ thống chứng từ kế toán

1. Ngoài các chứng từ kế toán ban hành theo Quyết định 19, Thông tư này hướng dẫn bổ sung 37 chứng từ kế toán áp dụng cho các cơ quan BHXH.

2. Danh mục, mẫu, giải thích nội dung và phương pháp lập 37 chứng từ bổ sung tại khoản 1, điều này được quy định tại Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 3. Quy định về hệ thống tài khoản kế toán

1. Hệ thống tài khoản kế toán áp dụng cho cơ quan BHXH, gồm: 65 tài khoản trong Bảng Cân đối tài khoản và 15 tài khoản ngoài Bảng Cân đối tài khoản.

2. Danh mục hệ thống tài khoản, giải thích nội dung, kết cấu và phương pháp ghi chép tài khoản kế toán được quy định tại Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 4. Quy định về hệ thống sổ kế toán

1. Ngoài các sổ kế toán ban hành theo Quyết định 19, Thông tư này hướng dẫn bổ sung 11 sổ kế toán chi tiết áp dụng cho các cơ quan BHXH.

2. Danh mục, mẫu, giải thích nội dung và phương pháp ghi 11 sổ kế toán bổ sung tại khoản 1, điều này được quy định tại Phụ lục số 03 ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 5. Quy định về hệ thống báo cáo tài chính

1. Hệ thống báo cáo tài chính áp dụng cho các cơ quan BHXH, gồm: 10 báo cáo tài chính áp dụng cho các đơn vị kế toán cấp cơ sở (cấp III) và 21 báo cáo tài chính áp dụng cho các đơn vị kế toán cấp trên (cấp I, cấp II).

2. Danh mục báo cáo, mẫu báo cáo, giải thích nội dung và phương pháp lập báo cáo tài chính được quy định tại Phụ lục số 04 ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 và thay thế Quyết định số 51/2007/QĐ-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành Chế độ kế toán BHXH Việt Nam. Báo cáo tài chính của năm tài chính 2012 được thực hiện theo Chế độ kế toán BHXH Việt Nam ban hành theo Quyết định số 51/2007/QĐ-BTC.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để nghiên cứu giải quyết./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Trần Xuân Hà

Phụ lục số 01

(Ban hành kèm theo Thông tư số 178/2012/TT-BTC ngày 23 tháng 10 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc hướng dẫn kế toán áp dụng cho Bảo hiểm xã hội Việt Nam)

DANH MỤC CHỨNG TỪ KẾ TOÁN

STT	Tên chứng từ	Số hiệu	Loại chứng từ kế toán	
			BB	HD
1	2	3	4	5
1	Phiếu nhập kho ấn chỉ đặc biệt	C61-HD		x
2	Phiếu xuất kho ấn chỉ đặc biệt	C62-HD		x
3	Biên bản kiểm kê ấn chỉ đặc biệt	C63-HD		x
4	Bảng kê chi tiền cho tập thể, cá nhân phối hợp, chỉ đạo, tổ chức thực hiện công tác thu, chi BHXH, BHYT, BHTN	C64-HD		x
5	Giấy chứng nhận nghỉ việc hưởng BHXH	C65-HD		x
6	Giấy thanh toán thù lao cho tổ chức, cá nhân làm đại lý thu	C66-HD		x
7	Giấy thanh toán thù lao cho tổ chức, cá nhân làm đại diện chi trả	C67-HD		x
8	Biên lai thu tiền đóng BHXH, BHYT	C68-HD		x
9	Bảng tổng hợp số phải thu BHXH, BHYT, BHTN	C69-HD		x
10	Danh sách thanh toán chế độ ốm đau, thai sản, dưỡng sức phục hồi sức khỏe	C70a-HD		x
11	Danh sách người lao động hưởng chế độ ốm đau, thai sản, dưỡng sức phục hồi sức khỏe được duyệt	C70b-HD		x
12	Thông báo quyết toán chi các chế độ BHXH tại đơn vị sử dụng lao động	C71-HD		x
13	Danh sách chi trả lương hưu và trợ cấp bảo hiểm hàng tháng	C72a-HD		x
14	Danh sách truy lĩnh lương hưu và trợ cấp bảo hiểm do thay đổi về chế độ, mức hưởng	C72b-HD		x

STT	Tên chứng từ	Số hiệu	Loại chứng từ kế toán	
			BB	HD
1	2	3	4	5
15	Danh sách chi trả lương hưu và trợ cấp bảo hiểm hàng tháng do điều chỉnh mức hưởng các chế độ bảo hiểm theo quy định của Nhà nước	C72c-HD		x
16	Giấy đề nghị tạm ứng chi trả lương hưu và trợ cấp bảo hiểm	C73-HD		x
17	Bảng thanh toán lương hưu và trợ cấp bảo hiểm	C74-HD		x
18	Danh sách thu hồi kinh phí chi bảo hiểm	C75-HD		x
19	Bảng tổng hợp thu hồi kinh phí chi bảo hiểm	C76-HD		x
20	Giấy giới thiệu trả lương hưu và trợ cấp	C77-HD		x
21	Bảng thanh toán trực tiếp chi phí khám chữa bệnh BHYT	C78-HD		x
22	Danh sách người bệnh BHYT khám, chữa bệnh ngoại trú đề nghị thanh toán	C79a-HD		x
23	Danh sách người bệnh BHYT khám, chữa bệnh ngoại trú được duyệt	C79b-HD		x
24	Danh sách người bệnh BHYT khám, chữa bệnh nội trú đề nghị thanh toán	C80a-HD		x
25	Danh sách người bệnh BHYT khám, chữa bệnh nội trú được duyệt	C80b-HD		x
26	Thông báo tổng hợp kinh phí KCB và chi phí phát sinh ngoài cơ sở KCB	C81-HD		x
27	Biên bản thanh, quyết toán chi phí khám, chữa bệnh BHYT	C82-HD		x
28	Bảng phân bổ số tiền đã thu vào quỹ BHXH, BHYT, BHTN	C83-HD		x
29	Hợp đồng trích chuyển kinh phí chăm sóc sức khỏe ban đầu cho học sinh, sinh viên	C84a-HD		x
30	Thanh lý Hợp đồng trích chuyển kinh phí chăm sóc sức khỏe ban đầu cho học sinh, sinh viên	C84b-HD		x

STT	Tên chứng từ	Số hiệu	Loại chứng từ kế toán	
			BB	HD
1	2	3	4	5
31	Biên bản quyết toán sử dụng kinh phí kết dư quỹ khám, chữa bệnh BHYT theo định suất	C85-HD		x
32	Biên bản quyết toán sử dụng kinh phí kết dư quỹ khám, chữa bệnh BHYT	C86-HD		x
33	Danh sách người hưởng trợ cấp thất nghiệp đề nghị chi trả hỗ trợ học nghề	C87a-HD		x
34	Danh sách người hưởng trợ cấp thất nghiệp được duyệt chi hỗ trợ học nghề	C87b-HD		x
35	Thông báo thanh toán đa tuyến	C88-HD		x
36	Phiếu tính lãi phải thu phát sinh trong năm	C89-HD		x
37	Bảng đối chiếu số dư đầu tư, lãi đầu tư tài chính	C90-HD		x

Phụ lục số 02

(Ban hành kèm theo Thông tư số 178/2012/TT-BTC ngày 23 tháng 10 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc hướng dẫn kế toán áp dụng cho Bảo hiểm xã hội Việt Nam)

DANH MỤC HỆ THỐNG TÀI KHOẢN KẾ TOÁN

STT	Số hiệu TK	Tên tài khoản	Phạm vi áp dụng	Ghi chú
1	2	3	4	5
		LOẠI 1: TIỀN VÀ VẬT TƯ		
1	**111**	**Tiền mặt**	Mọi đơn vị	
	1111	Tiền Việt Nam		
	1112	Ngoại tệ		
2	**112**	**Tiền gửi Ngân hàng, Kho bạc**	Mọi đơn vị	Chi tiết theo từng TK tại từng NH, KB
	1121	Tiền Việt Nam		
	1122	Ngoại tệ		
3	**113**	**Tiền đang chuyển**	Mọi đơn vị	
4	**121**	**Đầu tư tài chính ngắn hạn**	Đơn vị có phát sinh	
	1211	Trái phiếu		Chi tiết theo từng loại
	1212	Cho vay		
	1213	Tiền gửi có kỳ hạn		
	1218	Đầu tư ngắn hạn khác		
5	**152**	**Nguyên liệu, vật liệu**	Mọi đơn vị	
6	**153**	**Công cụ, dụng cụ**	Mọi đơn vị	
7	**155**	**Sản phẩm, hàng hóa**	Đơn vị có hoạt động SX, KD	Chi tiết theo sản phẩm, hàng hóa
	1551	Sản phẩm		
	1552	Hàng hóa		
		LOẠI 2: TÀI SẢN CỐ ĐỊNH		
8	**211**	**TSCĐ hữu hình**	Mọi đơn vị	Chi tiết theo yêu cầu quản lý
	2111	Nhà cửa, vật kiến trúc		
	2112	Máy móc, thiết bị		

STT	Số hiệu TK	Tên tài khoản	Phạm vi áp dụng	Ghi chú
1	2	3	4	5
	2113	Phương tiện vận tải, truyền dẫn		
	2114	Thiết bị, dụng cụ quản lý		
	2115	Cây lâu năm, súc vật làm việc và cho sản phẩm		
	2118	Tài sản cố định khác		
9	**213**	**TSCĐ vô hình**	Mọi đơn vị	
10	**214**	**Hao mòn TSCĐ**	Mọi đơn vị	
	2141	Hao mòn TSCĐ hữu hình		
	2142	Hao mòn TSCĐ vô hình		
11	**221**	**Đầu tư tài chính dài hạn**	Đơn vị có phát sinh	
	2211	Trái phiếu		
	2212	Cho vay		
	2213	Tiền gửi có kỳ hạn		
	2214	Vốn góp		
	2218	Đầu tư dài hạn khác		
12	**241**	**XDCB dở dang**	Đơn vị có ĐTXDCB	
	2411	Mua sắm TSCĐ		
	2412	Xây dựng cơ bản		
	2413	Sửa chữa lớn TSCĐ		
		LOẠI 3: THANH TOÁN		
13	**311**	**Các khoản phải thu**	Mọi đơn vị	Chi tiết theo yêu cầu quản lý
	3111	Phải thu của khách hàng		
	3113	Thuế GTGT được khấu trừ	Đơn vị được khấu trừ thuế GTGT	
	31131	*Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hóa, dịch vụ*		
	31132	*Thuế GTGT được khấu trừ của TSCĐ*		
	3118	Phải thu khác		

STT	Số hiệu TK	Tên tài khoản	Phạm vi áp dụng	Ghi chú
1	2	3	4	5
	31181	*Phải thu lãi hoạt động đầu tư tài chính từ các quỹ BH*		
	31182	*Phải thu số chi sai BH*		
	31183	*Phải thu số chi sai khác*		
	31188	*Phải thu khác*		
14	**312**	**Tạm ứng**	Mọi đơn vị	Chi tiết từng đối tượng
15	**331**	**Các khoản phải trả**	Đơn vị có phát sinh	Chi tiết từng đối tượng
	3311	Phải trả người cung cấp		
	3312	Phải trả nợ vay		
	3318	Phải trả khác		
	33181	*Lãi nhận trước từ hoạt động đầu tư tài chính*		
	33182	*Phải trả số thu nhầm BH*		
	33183	*Phải trả số thu BH chưa xác định được đối tượng*		
	33188	*Phải trả khác*		
16	**332**	**Các khoản phải nộp theo lương**	Mọi đơn vị	
	3321	Bảo hiểm xã hội		
	3322	Bảo hiểm y tế		
	3323	Kinh phí công đoàn		
	3324	Bảo hiểm thất nghiệp		
17	**333**	**Các khoản phải nộp nhà nước**	Các đơn vị có phát sinh	
	3331	Thuế GTGT phải nộp		
	33311	*Thuế GTGT đầu ra*		
	33312	*Thuế GTGT hàng nhập khẩu*		
	3332	Phí, lệ phí		
	3334	Thuế thu nhập doanh nghiệp		
	3335	Thuế thu nhập cá nhân		

STT	Số hiệu TK	Tên tài khoản	Phạm vi áp dụng	Ghi chú
1	2	3	4	5
	3337	Thuế khác		
	3338	Các khoản phải nộp khác		
18	**334**	**Phải trả công chức, viên chức**	Mọi đơn vị	
	3341	Phải trả công chức, viên chức		
	3348	Phải trả người lao động khác		
19	**335**	**Phải trả các đối tượng khác**		
20	**336**	**Tạm ứng kinh phí**	Đơn vị có phát sinh	
21	**341**	**Kinh phí cấp cho cấp dưới**	Các đơn vị cấp trên	Chi tiết cho từng đơn vị
	3411	Kinh phí hoạt động		
	3412	Kinh phí dự án		
	3413	Kinh phí xây dựng cơ bản		
22	**342**	**Thanh toán nội bộ**	Đơn vị có phát sinh	Chi tiết cho từng đơn vị
	3421	Thanh toán lãi tiền gửi không kỳ hạn		
	3422	Thanh toán phí cấp, đổi thẻ BHYT		
	3423	Thanh toán theo giá thuê in ấn chỉ giữa văn phòng BHXH Việt Nam với tỉnh		
	3424	Thanh toán theo giá thuê in ấn chỉ giữa tỉnh với huyện		
	3428	Thanh toán nội bộ khác		
23	**343**	**Thanh toán về chi các loại bảo hiểm**	BHXH tỉnh, huyện	Chi tiết đến từng đơn vị
	3431	Thanh toán với đại diện chi trả		
	3432	Thanh toán với đơn vị sử dụng lao động		
	3433	Thanh toán với đơn vị khám chữa bệnh		
	3434	Thanh toán với cơ sở dạy nghề		
	3435	Thanh toán với trường học		

STT	Số hiệu TK	Tên tài khoản	Phạm vi áp dụng	Ghi chú
1	2	3	4	5
24	**344**	**Thanh toán về chi KCB đa tuyến**	BHXH tỉnh, huyện	Chi tiết đến từng đơn vị
	3441	Thanh toán về chi KCB đa tuyến đi		
	3442	Thanh toán về chi KCB đa tuyến đến		
25	**351**	**Thanh toán về thu các loại bảo hiểm giữa TW với tỉnh**	BHXH VN, BHXH tỉnh	Chi tiết cho từng đơn vị
26	**352**	**Thanh toán về chi các loại bảo hiểm giữa TW với tỉnh**	BHXH VN, BHXH tỉnh	Chi tiết cho từng đơn vị
27	**353**	**Thanh toán về thu các loại bảo hiểm giữa tỉnh với huyện**	BHXH tỉnh, BHXH huyện	Chi tiết cho từng đơn vị
28	**354**	**Thanh toán về chi các loại bảo hiểm giữa tỉnh với huyện**	BHXH tỉnh, BHXH huyện	Chi tiết cho từng đơn vị
		LOẠI 4: NGUỒN KINH PHÍ		
29	**411**	**Nguồn vốn kinh doanh**	Đơn vị có hoạt động SXKD	
30	**412**	**Chênh lệch đánh giá lại tài sản**	Đơn vị có phát sinh	
31	**413**	**Chênh lệch tỷ giá hối đoái**	Đơn vị có ngoại tệ	
32	**421**	**Chênh lệch thu, chi chưa xử lý**		
	4211	Chênh lệch thu, chi hoạt động đầu tư tài chính	Đơn vị có phát sinh	
	4212	Chênh lệch thu, chi hoạt động sản xuất, kinh doanh	Đơn vị có hoạt động SX, KD	
	4218	Chênh lệch thu, chi hoạt động khác		
33	**422**	**Quỹ dự phòng rủi ro**	BHXH VN	
	4221	Quỹ dự phòng rủi ro hoạt động nghiệp vụ		
	4222	Quỹ dự phòng rủi ro hoạt động đầu tư tài chính từ các quỹ bảo hiểm		

STT	Số hiệu TK	Tên tài khoản	Phạm vi áp dụng	Ghi chú
1	2	3	4	5
34	**431**	**Các quỹ**	Mọi đơn vị	
	4311	Quỹ khen thưởng		
	4312	Quỹ phúc lợi		
	4313	Quỹ ổn định thu nhập		
	4314	Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp		
35	**441**	**Nguồn kinh phí đầu tư xây dựng cơ bản**	Đơn vị có đầu tư XDCB	
	4411	Nguồn kinh phí trích từ chênh lệch thu, chi hoạt động đầu tư tài chính		
	4413	Nguồn kinh phí viện trợ		
	4418	Nguồn khác		
36	**461**	**Nguồn kinh phí hoạt động**	Mọi đơn vị	Chi tiết từng nguồn KP
	4611	Năm trước		
	46111	*Nguồn KP thường xuyên*		
	46112	*Nguồn KP không thường xuyên*		
	4612	Năm nay		
	46121	*Nguồn KP thường xuyên*		
	46122	*Nguồn KP không thường xuyên*		
37	**462**	**Nguồn kinh phí dự án**	Đơn vị có dự án	
	4621	Nguồn kinh phí NSNN cấp		
	46211	*Nguồn kinh phí quản lý dự án*		
	46212	*Nguồn kinh phí thực hiện dự án*		
	4622	Nguồn kinh phí viện trợ		
	46221	*Nguồn kinh phí quản lý dự án*		
	46222	*Nguồn kinh phí thực hiện dự án*		
	4628	Nguồn khác		
	46281	*Nguồn kinh phí quản lý dự án*		
	46282	*Nguồn kinh phí thực hiện dự án*		

STT	Số hiệu TK	Tên tài khoản	Phạm vi áp dụng	Ghi chú
1	2	3	4	5
38	**464**	**Kinh phí NSNN cấp để chi BHXH**	Đơn vị	
	4641	Năm trước	BHXH	
	4642	Năm nay		
	4643	Năm sau		
39	**466**	**Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ**	Mọi đơn vị	
40	**471**	**Quỹ BHXH bắt buộc**	BHXH VN	
	4711	Quỹ ốm đau, thai sản		
	4712	Quỹ tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp		
	4713	Quỹ hưu trí, tử tuất		
41	**472**	**Quỹ BHXH tự nguyện**	BHXH VN	
42	**473**	**Quỹ khám, chữa bệnh**	BHXH VN	
	4731	Năm trước		
	4732	Năm nay		
	4733	Năm sau		
43	**474**	**Quỹ BH thất nghiệp**	BHXH VN	
44	**476**	**Quỹ dự phòng khám chữa bệnh BHYT**	BHXH VN	
		LOẠI 5: CÁC KHOẢN THU		
45	**511**	**Các khoản thu**	Đơn vị có phát sinh	
	5111	Thu phí, lệ phí		
	51111	*Thu phí cấp, đổi thẻ BHYT*		
	51118	*Thu phí, lệ phí khác*		
	5113	Thu lãi chậm đóng BH		
	51131	*Thu lãi chậm đóng BHXH bắt buộc*		
	51133	*Thu lãi chậm đóng BHYT*		
	51134	*Thu lãi chậm đóng BH thất nghiệp*		
	5118	Thu khác		

STT	Số hiệu TK	Tên tài khoản	Phạm vi áp dụng	Ghi chú
1	2	3	4	5
46	**512**	**Thu lãi hoạt động đầu tư tài chính từ các quỹ BH**	Đơn vị có phát sinh	
	5121	Lãi trái phiếu		
	5122	Lãi cho vay dài hạn		
	5123	Lãi cho vay ngắn hạn		
	5124	Lãi tiền gửi có kỳ hạn		
	5125	Lãi tiền gửi không kỳ hạn		
	5128	Lãi đầu tư tài chính khác		
47	**521**	**Thu chưa qua ngân sách**		
	5211	Phí, lệ phí		
	5212	Tiền, hàng viện trợ		
48	**531**	**Thu hoạt động sản xuất, kinh doanh**	Đơn vị có HĐ SXKD	
49	**571**	**Thu BHXH bắt buộc**	Đơn vị BHXH	
	5711	Thu quỹ ốm đau, thai sản		
	5712	Thu quỹ tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp		
	5713	Thu quỹ hưu trí, tử tuất		
50	**572**	**Thu BHXH tự nguyện**	Đơn vị BHXH	
51	**573**	**Thu BHYT**	Đơn vị BHXH	
52	**574**	**Thu BH thất nghiệp**	Đơn vị BHXH	
53	**575**	**Thu trước BHYT cho năm sau**	Đơn vị BHXH	
54	**579**	**Tạm thu các loại BH và lãi chậm đóng BH**	Đơn vị BHXH	
		LOẠI 6: CÁC KHOẢN CHI		
55	**631**	**Chi hoạt động sản xuất, kinh doanh**	Đơn vị có hoạt động SXKD	Chi tiết theo động SXKD

STT	Số hiệu TK	Tên tài khoản	Phạm vi áp dụng	Ghi chú
1	2	3	4	5
56	**642**	**Chi phí quản lý chung**	Đơn vị có phát sinh	
57	**643**	**Chi phí trả trước**	Đơn vị có phát sinh	
58	**661**	**Chi hoạt động**	Mọi đơn vị	
	6611	Năm trước		
	66111	*Chi thường xuyên*		
	66112	*Chi không thường xuyên*		
	6612	Năm nay		
	66121	*Chi thường xuyên*		
	66122	*Chi không thường xuyên*		
59	**662**	**Chi dự án**	Đơn vị có dự án	Chi tiết theo dự án
	6621	Chi từ nguồn kinh phí NSNN cấp		
	66211	*Chi quản lý dự án*		
	66212	*Chi quản lý dự án*		
	6622	Chi từ nguồn kinh phí viện trợ		
	66221	*Chi quản lý dự án*		
	66222	*Chi thực hiện dự án*		
	6628	Chi từ nguồn khác		
	66281	*Chi quản lý dự án*		
	66282	*Chi thực hiện dự án*		
60	**664**	**Chi BHXH do NSNN đảm bảo**	Đơn vị BHXH	
	6641	Năm trước		
	6642	Năm nay		
	6643	Năm sau		
61	**671**	**Chi BHXH bắt buộc**	Đơn vị BHXH	
	6711	Năm trước		
	67111	*Chi ốm đau, thai sản*		

STT	Số hiệu TK	Tên tài khoản	Phạm vi áp dụng	Ghi chú
1	2	3	4	5
	67112	*Chi tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp*		
	67113	*Chi hưu trí, tử tuất*		
	6712	Năm nay		
	67121	*Chi ốm đau, thai sản*		
	67122	*Chi tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp*		
	67123	*Chi hưu trí, tử tuất*		
62	**672**	**Chi BHXH tự nguyện**	Đơn vị BHXH	
	6721	Năm trước		
	6722	Năm nay		
63	**673**	**Chi BHYT**	Đơn vị BHXH	
	6731	Năm trước		
	6732	Năm nay		
64	**674**	**Chi BH thất nghiệp**	Đơn vị BHXH	
	6741	Năm trước		
	6742	Năm nay		
65	**675**	**Chi trước BHYT cho năm sau**	Đơn vị BHXH	
	6751	Năm trước		
	6752	Năm nay		
		LOẠI 0: TÀI KHOẢN NGOÀI BẢNG		
66	**001**	**Tài sản thuê ngoài**		
67	**002**	**Tài sản nhận giữ hộ, nhận gia công**		
68	**004**	**Chênh lệch thu, chi hoạt động thường xuyên**		
69	**005**	**Dụng cụ lâu bền đang sử dụng**	Mọi đơn vị	
70	**006**	**Tài sản trang bị cho đại lý chi trả**		

STT	Số hiệu TK	Tên tài khoản	Phạm vi áp dụng	Ghi chú
1	2	3	4	5
71	**007**	**Ngoại tệ các loại**		
72	**008**	**Dự toán chi hoạt động**		
	0082	Dự toán chi không thường xuyên		
73	**009**	**Dự toán chi chương trình, dự án**		
	0091	Dự toán chi chương trình, dự án		
	0092	Dự toán chi đầu tư XDCB		
74	**010**	**Kinh phí chăm sóc sức khỏe ban đầu**	Đơn vị BHXH	
75	**011**	**Phải thu BHXH bắt buộc**	Đơn vị BHXH	
76	**013**	**Phải thu BHYT**	Đơn vị BHXH	
	0131	Phải thu BHYT năm nay		
	0132	Phải thu trước BHYT cho năm sau		
77	**014**	**Phải thu BH thất nghiệp**	Đơn vị BHXH	
78	**015**	**Phải thu lãi chậm đóng BH**	Đơn vị BHXH	
	0151	Phải thu lãi chậm đóng BHXH bắt buộc		
	0153	Phải thu lãi chậm đóng BHYT		
	0154	Phải thu lãi chậm đóng BH thất nghiệp		
79	**016**	**Chi phí khám, chữa bệnh đa tuyến đi**	Đơn vị BHXH	
80	**017**	**Chi phí khám, chữa bệnh chưa được quyết toán**		

Phụ lục số 03

(Kèm theo Thông tư số 178/2012/TT-BTC ngày 23 tháng 10 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc hướng dẫn kế toán áp dụng cho Bảo hiểm xã hội Việt Nam)

DANH MỤC SỔ KẾ TOÁN

STT	Tên sổ	Ký hiệu	Phạm vi áp dụng
1	2	3	4
1	Sổ chi tiết chi ốm đau, thai sản, DS, PHSK	S80a-BH	Đơn vị có chi
2	Sổ tổng hợp chi ốm đau, thai sản, DS, PHSK	S80b-BH	Đơn vị có chi
3	Sổ chi tiết chi tai nạn lao động - BNN	S81-BH	Đơn vị có chi
4	Sổ chi tiết chi lương hưu và trợ cấp BHXH	S82-BH	Đơn vị có chi
5	Sổ chi tiết chi bảo hiểm thất nghiệp	S83-BH	Đơn vị có chi
6	Sổ tổng hợp chi lương hưu và trợ cấp BHXH	S84-BH	Đơn vị có chi
7	Sổ theo dõi chi khám,chữa bệnh BHYT tại cơ quan BHXH	S85a-BH	Đơn vị có chi
8	Sổ theo dõi chi khám chữa bệnh BHYT tại cơ sở KCB	S85b-BH	Đơn vị có chi
9	Sổ tổng hợp chi khám chữa bệnh BHYT	S86-BH	Đơn vị có chi
10	Sổ chi tiết chi quỹ khen thưởng, phúc lợi	S87-BH	BHXH tỉnh, huyện
11	Sổ chi tiết lãi tiền gửi	S88-BH	BHXH tỉnh, huyện

Phụ lục số 04

(Kèm theo Thông tư số 178/2012/TT-BTC ngày 23 tháng 10 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc hướng dẫn kế toán áp dụng cho Bảo hiểm xã hội Việt Nam)

DANH MỤC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Danh mục báo cáo tài chính áp dụng cho các đơn vị kế toán cấp cơ sở (cấp III)

STT	Ký hiệu biểu	Tên biểu báo cáo	Kỳ hạn lập báo cáo	Nơi nhận báo cáo		
				Tài chính	Thống kê	Cấp trên
1	B01- BH	Bảng cân đối tài khoản	Quý, năm	x	x	x
2	B02a - BH	Báo cáo tình hình kinh phí và quyết toán kinh phí đã sử dụng	Quý, năm			x
3	F02-2BH	Báo cáo chi tiết kinh phí dự án	Quý, năm			x
4	F02-3cBH	Bảng đối chiếu tài khoản tiền gửi	Quý, năm	KBNN		x
5	B03a - BH	Báo cáo thu - chi hoạt động sự nghiệp và hoạt động sản xuất kinh doanh	Quý, năm			x
6	B04 - BH	Báo cáo tình hình tăng, giảm tài sản cố định	Năm	x	x	x
7	B07a - BH	Báo cáo thu BHXH, BHYT, BHTN	Quý, năm			x
8	F07a - IBH	Báo cáo chi tiết số thu BHXH, BHYT, BHTN	Quý, năm			x
9	B08a - BH	Báo cáo tình hình kinh phí và quyết toán kinh phí chi BHXH, BHYT, BHTN	Quý, năm			x
10	B14a - BH	Báo cáo số phải thu BHXH, BHYT, BHTN và lãi phạt do chậm đóng	Năm	x	x	x
11	B15a - BH	Báo cáo số thu, chi trước BHYT cho năm sau	Năm	x	x	x
12	B16- BH	Báo cáo tổng hợp số dư tài khoản	Năm			x
13	B17 - BH	Thuyết minh báo cáo tài chính	Năm	x	x	x

2. Danh mục báo cáo tài chính áp dụng cho các đơn vị kế toán cấp trên (cấp I và cấp II)

STT	Ký hiệu biểu	Tên biểu báo cáo	Kỳ hạn lập báo cáo	Nơi lập báo cáo		Nơi nhận báo cáo		
				Cấp II	Cấp I	Tài chính	Thống kê	Cấp trên
1	B01- BH	Bảng cân đối tài khoản	Quý, năm	x	x	x	x	x
2	B02b - BH	Báo cáo tổng hợp tình hình kinh phí và quyết toán kinh phí đã sử dụng	Năm	x	x			x
3	B03b - BH	Báo cáo tổng hợp thu, chi hoạt động sự nghiệp và hoạt động sản xuất kinh doanh	Năm	x	x	x	x	x
4	F02-3cBH	Bảng đối chiếu tài khoản tiền gửi	Quý, năm	x	x	KBNN		
5	B04 - BH	Báo cáo tình hình tăng, giảm tài sản cố định	Năm	x	x	x	x	x
6	B07b - BH	Báo cáo tổng hợp thu BHXH, BHYT, BHTN	Quý, năm	x				x
7	F07b-II-IBH	Báo cáo chi tiết số thu BHXH, BHYT, BHTN	Quý, năm				x	
8	B07c - BH	Báo cáo tổng hợp thu BHXH, BHYT, BHTN	Quý, năm		x	x	x	
9	F07c-IBH	Báo cáo chi tiết số thu BHXH, BHYT, BHTN	Năm				x	
10	B08b - BH	Báo cáo tổng hợp tình hình kinh phí và quyết toán kinh phí chi BHXH, BHYT, BHTN	Quý, năm	x				x
11	B08c - BH	Báo cáo tổng hợp tình hình kinh phí và quyết toán kinh phí chi BHXH, BHYT, BHTN	Năm		x	x	x	
12	B08d - BH	Báo cáo tổng hợp tình hình kinh phí và quyết toán kinh phí chi BHXH do NSNN đảm bảo	Năm	x	x	x	x	x

STT	Ký hiệu biểu	Tên biểu báo cáo	Kỳ hạn lập báo cáo	Nơi lập báo cáo		Nơi nhận báo cáo		
				Cấp II	Cấp I	Tài chính	Thống kê	Cấp trên
13	B09 - BH	Báo cáo chi tiết các dự án XDCB được quyết toán	Năm	x	x	x	x	x
14	B10a - BH	Báo cáo tình hình đầu tư tài chính	Năm		x	x	x	
15	B10b - BH	Báo cáo thực hiện thu lãi đầu tư tài chính	Năm		x	x	x	
16	B10c - BH	Báo cáo tình hình phân bổ lãi đầu tư tài chính	Năm		x	x	x	
17	B11 - BH	Báo cáo quyết toán quỹ BHXH, BHYT, BHTN	Năm		x	x	x	
18	B12 - BH	Báo cáo trích lập và sử dụng các quỹ dự phòng rủi ro	Năm		x	x	x	
19	B13a- BH	Báo cáo kết dư quỹ khám chữa bệnh BHYT do địa phương quản lý	Năm	x				x
20	B13b - BH	Báo cáo tổng hợp kết dư quỹ KCB BHYT do địa phương quản lý	Năm		x	x		
21	B14b - BH	Báo cáo tổng hợp số phải thu BHXH, BHYT, BHTN và lãi phạt do chậm đóng	Năm	x	x	x	x	x
22	B15b - BH	Báo cáo tổng hợp số thu, chi trước BHYT cho năm sau	Năm	x	x	x	x	x
23	B16 - BH	Báo cáo tổng hợp số dư tài khoản	Năm	x	x	x	x	x
24	B17 - BH	Thuyết minh báo cáo tài chính	Năm	x	x	x	x	x